

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty là Công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 02/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc chuyển Công ty Xổ số Kiến thiết An Giang thành Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang. Công ty hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên mã số doanh nghiệp: 1600190393, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 30/01/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 30/01/2018 là: 500.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng.)

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: AN GIANG LOTTERY ONE MEMBER COMPANY LIMITED.

Tên Công ty viết tắt là: CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG.

Trụ sở chính tại số 64 C đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 68 người (tại ngày 31/12/2021 là 66 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: là kinh doanh các loại hình xổ số và các ngành nghề có liên quan đến xổ số.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2022, Công ty có Trạm phát hành vé xổ số kiến thiết An Giang đặt tại địa chỉ số 152 Ký Con, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/8/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/8/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	06 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm: Quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm máy tính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các khoản chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo Phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo Phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được bù trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo Công văn số 4995/VPUBND-KTTH ngày 09/10/2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Dự phòng rủi ro trả thưởng

Theo quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của Pháp luật.

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/6/2013 của Bộ Tài chính tỷ lệ trả thưởng kế hoạch đối với xổ số truyền thống là 50%.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập được xác lập như sau: $DP_{tt} = DT \times TL_{kh} - TT_{tt}$

Trong đó:

- DP_{tt} : Mức trích lập dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số;
- DT : Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- TK_{kh} : Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số;
- TT_{tt} : Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Đối với các Công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực Miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không quá 03% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong năm vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu (Nộp vào Ngân sách Nhà nước) sau khi trích lập các quỹ theo các quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính Phủ.

Phần lợi nhuận sau khi trích lập quỹ được ghi nhận là khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh cùng kỳ tiêu thụ vé số được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu đó nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Ghi nhận chi phí tiền lương theo quy định:

- Quỹ tiền lương thực hiện của viên chức quản lý trong năm được xác định tuân thủ theo hướng dẫn của Chính phủ tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và của Bộ luật Lao động – thương binh xã hội tại Thông tư số 27/2016/TT-BKĐTBXH ngày 01/9/2016 về hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, đối với người quản lý Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động trong năm được xác định tuân thủ theo hướng dẫn của Chính phủ tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và của Bộ Lao động thương binh và xã hội tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với lao động làm việc trong Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Quỹ tiền lương trong kỳ của Công ty được tạm tính theo các quy định trên và có thể sẽ được điều chỉnh tùy theo kết quả phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	286.771.859	179.190.706
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	70.461.999.582	79.186.763.180
Tương đương tiền (i)	160.000.000.000	258.000.000
Tổng	230.748.771.441	79.623.953.886

- (i) Tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng theo Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 3,4%/năm đến 4,0 % năm.

**CÔNG TY TNHH MTV
XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG**

Số 64 C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 – XS

Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT- BTC
Ngày 19/8/2009 của Bộ trưởng BTC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.2 Đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

Đối tượng đầu tư	Số lượng	Quyền biểu quyết (%)	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
			Giá gốc	Giá hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý (i)	Dự phòng
1. Đầu tư ngắn hạn			345.000.000.000			555.639.472.500		
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng			345.000.000.000			555.639.472.500		
2. Đầu tư vào đơn vị khác			66.206.725.000		-	31.206.725.000		-
<i>a) Đầu tư cổ phiếu</i>			<i>31.206.725.000</i>		-	<i>31.206.725.000</i>		-
Công ty Cổ phần XNK Nông sản thực phẩm An Giang	3.018.750	8,63%	30.706.725.000		-	30.706.725.000		
Công ty Cổ phần Phát Tài	50.000	2,76%	500.000.000			500.000.000		
<i>b) Đầu tư đến ngày đáo hạn</i>			<i>35.000.000.000</i>		-	<i>-</i>		-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng (ii)			35.000.000.000					
Tổng			411.206.725.000		-	586.846.197.500		-

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết trên thị trường do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (ii) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng theo Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 6,0%/năm đến 6,7% năm.

5.3 Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiêu Minh Hải	11.877.465.410	9.701.225.797
Nguyễn Hoàng Anh	24.319.109.865	-
Lê Thị Quỳ	23.735.144.031	-
Phải thu các khách hàng còn lại	222.433.432.963	139.961.250.253
Tổng	282.365.152.269	149.662.476.050



**CÔNG TY TNHH MTV
XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG**

Số 64 C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 – XS

Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT- BTC
Ngày 19/8/2009 của Bộ trưởng BTC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.4 Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Ngọc Hầu	9.030.150.000	(9.030.150.000)	9.030.150.000	(9.030.150.000)
Lãi tiền gửi dự thu các khoản tiền gửi có kỳ hạn	7.019.438.367	-	14.879.674.754	-
Tạm ứng	16.200.000	-	37.200.000	-
Phải thu khác	450.489.600	-	-	-
Tổng	16.516.277.967	(9.030.150.000)	23.947.024.754	(9.030.150.000)

5.5 Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Ngọc Hầu	9.030.150.000	-	9.030.150.000	-
Ông Âu Sáng Minh	5.979.856	-	5.979.856	-
Tổng	9.036.129.856	-	9.036.129.856	-
	Quá hạn 6 th-1 năm	Quá hạn từ 1-2 năm	Quá hạn từ 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Ngọc Hầu	-	-	-	9.030.150.000
Ông Âu Sáng Minh	-	-	-	5.979.856
Tổng	-	-	-	9.036.129.856

5.6 Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.485.714.069	-	2.430.472.639	-
Hàng hóa	268.868.446	-	499.066.261	-
Vé xổ số	2.376.158.575	-	2.881.815.554	-
Tổng	8.130.741.090	-	5.811.354.454	-

**CÔNG TY TNHH MTV
XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG**

Số 64 C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 – XS

Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT- BTC
Ngày 19/8/2009 của Bộ trưởng BTC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.7 Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	102.750.383	652.993.831
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	102.750.383	44.483.588
Chi phí in lịch	-	571.345.455
Các khoản chi phí khác	-	37.164.788
b) Dài hạn	1.874.285.509	2.213.671.303
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	206.977.738	245.592.051
Tiền thuê đất	1.348.156.820	1.453.971.860
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	210.417.838	392.513.140
Các khoản chi phí khác	108.733.113	121.594.252
Tổng	1.977.035.892	2.866.665.134

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	5.626.610.324	778.847.326	4.276.848.181	877.926.045	11.560.231.876
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	5.626.610.324	778.847.326	4.276.848.181	877.926.045	11.560.231.876
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	5.108.600.741	605.801.672	3.572.675.404	573.578.916	9.860.656.733
Tăng trong kỳ	56.634.000	32.612.424	87.317.424	52.403.454	228.967.302
Khấu hao trong kỳ	56.634.000	32.612.424	87.317.424	52.403.454	228.967.302
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	5.165.234.741	638.414.096	3.659.992.828	625.982.370	10.089.624.035
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	518.009.583	173.045.654	704.172.777	304.347.129	1.699.575.143
Số cuối kỳ	461.375.583	140.433.230	616.855.353	251.943.675	1.470.607.841

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2022 là 6.845.770.057 VND (tại ngày 01/01/2022: 6.845.770.057 VND).

**CÔNG TY TNHH MTV
XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG**

Số 64 C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 – XS

Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT- BTC
Ngày 19/8/2009 của Bộ trưởng BTC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm kế toán</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	1.250.810.000	736.273.800	1.987.083.800
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>1.250.810.000</u>	<u>736.273.800</u>	<u>1.987.083.800</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	-	481.283.371	481.283.371
Tăng trong kỳ	-	53.460.000	53.460.000
Khấu hao trong kỳ	-	53.460.000	53.460.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	<u>534.743.371</u>	<u>534.743.371</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	<u>1.250.810.000</u>	<u>254.990.429</u>	<u>1.505.800.429</u>
Số cuối kỳ	<u>1.250.810.000</u>	<u>201.530.429</u>	<u>1.452.340.429</u>

5.10 Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số có khả năng</u>		<u>Số có khả năng</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>trả nợ</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>trả nợ</u>
Công ty Cổ phần giấy Toàn Lực	1.316.497.320	1.316.497.320	-	-
Công ty Cổ phần in An Giang	450.489.600	450.489.600	-	-
Phải trả các nhà cung cấp còn lại	7.747.600	7.747.600	-	-
Tổng	<u>1.774.734.520</u>	<u>1.774.734.520</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY TNHH MTV
XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG**

Số 64 C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 – XS

Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT- BTC
Ngày 19/8/2009 của Bộ trưởng BTC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Phải nộp	218.395.500.930	967.565.637.681	(1.015.400.018.431)	170.561.120.180
Thuế giá trị gia tăng	39.603.290.631	256.020.485.160	(246.027.133.580)	49.596.642.211
Thuế tiêu thụ đặc biệt	51.922.816.586	336.453.166.031	(323.184.525.300)	65.191.457.317
Lợi nhuận còn lại phải nộp Ngân sách	87.905.395.790	194.252.033.950	(282.157.429.740)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.456.669.647	88.168.237.570	(72.019.678.134)	39.605.229.083
Thuế thu nhập cá nhân	15.507.328.276	92.664.279.410	(92.003.816.117)	16.167.791.569
Thuế nhà đất	-	4.435.560	(4.435.560)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-

Thuế giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế tiêu thụ đặc biệt: Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh xổ số truyền thống với thuế suất 15%. Phải trả người lao động

5.12 Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người lao động	2.504.791.004	7.665.176.604
Tổng	2.504.791.004	7.665.176.604

5.13 Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Bảo hiểm xã hội	-	893.360
Bảo hiểm y tế	-	167.505
Bảo hiểm thất nghiệp	-	111.670
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.060.729.629	282.257.000
Tổng	1.060.729.629	283.429.535

5.14 Dự phòng rủi ro trả thưởng

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	109.590.855.600	146.649.685.800
Số trích lập trong kỳ	-	-
Số sử dụng trong kỳ	-	(25.886.940.000)
Số hoàn nhập trong kỳ	-	(11.171.890.200)
Số cuối kỳ	109.590.855.600	109.590.855.600

**CÔNG TY TNHH MTV
XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG**

Số 64 C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 – XS

Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT- BTC
Ngày 19/8/2009 của Bộ trưởng BTC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.15 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Tăng/giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2.692.979.875	-	1.697.258.000	-	995.721.875
Quỹ phúc lợi	1.916.076.813	-	1.235.245.599	6.850.000	687.681.214
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	615.250.000	-	337.580.000	-	277.670.000
Tổng	5.224.306.688	-	3.270.083.599	6.850.000	1.961.073.089

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	500.000.000.000	-	500.000.000.000
Tăng trong năm	-	344.700.627.964	344.700.627.964
Lợi nhuận trong năm trước	-	344.700.627.964	344.700.627.964
Giảm trong năm	-	(344.700.627.964)	(344.700.627.964)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	(5.977.750.000)	(5.977.750.000)
Trích nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	(338.722.877.964)	(338.722.877.964)
Số dư cuối năm trước	500.000.000.000	-	500.000.000.000
Số dư đầu năm nay	500.000.000.000	-	500.000.000.000
Tăng trong kỳ	-	352.722.981.281	352.722.981.281
Lợi nhuận trong kỳ này	-	352.722.981.281	352.722.981.281
Giảm trong kỳ	-	(194.252.033.950)	(194.252.033.950)
Tạm nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	(194.252.033.950)	(194.252.033.950)
Số cuối kỳ này	500.000.000.000	158.470.947.331	658.470.947.331

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đối tượng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ (%)	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ (%)	Vốn điều lệ (VND)
Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	100%	500.000.000.000	100%	500.000.000.000
Tổng	100%	500.000.000.000	100%	500.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	5.225.500.000
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	-	752.250.000
Tạm nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	(194.252.033.950)	-
Lợi nhuận còn lại nộp về Ngân sách	352.722.981.281	338.722.877.964
Tổng	158.470.947.331	344.700.627.964

**CÔNG TY TNHH MTV
XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG**

Số 64 C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 – XS

Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT- BTC
Ngày 19/8/2009 của Bộ trưởng BTC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xổ số truyền thống	2.579.474.272.684	2.422.746.545.460
Tổng	2.579.474.272.684	2.422.746.545.460

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xổ số truyền thống	336.453.166.031	316.010.419.088
Tổng	336.453.166.031	316.010.419.088

6.3 Doanh thu thuần bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xổ số truyền thống	2.243.021.106.653	2.106.736.126.372
Tổng	2.243.021.106.653	2.106.736.126.372

6.4 Chi phí kinh doanh

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí trả trước	1.334.846.500.000	1.360.810.600.000
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	446.658.190.985	417.862.350.933
Tổng	1.781.504.690.985	1.778.672.950.933

Trong đó, chi phí trực tiếp phát hành xổ số gồm:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng đại lý	425.613.255.000	399.753.180.000
Chi phí ủy quyền trả thưởng	1.343.931.600	1.313.795.000
Chi phí phục vụ xổ số	496.061.000	374.177.000
Chi phí quay số mở thưởng, giám sát khác	371.615.000	382.860.000
Chi phí chống số đề	120.050.000	42.750.000
Chi phí công in giấy	17.885.094.204	14.931.043.478
Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	768.184.181	1.004.545.455
Chi phí đóng góp cho Hội đồng xổ số khu vực	60.000.000	60.000.000
Tổng	446.658.190.985	417.862.350.933

**CÔNG TY TNHH MTV
XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG**

Số 64 C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 – XS

Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT- BTC
Ngày 19/8/2009 của Bộ trưởng BTC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.849.270.248	20.586.967.163
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	128.067.912	106.577.281
Cổ tức, lợi nhuận được chia	50.031.000	-
Tổng	13.027.369.160	20.693.544.444

6.6 Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tuyên truyền quảng cáo	2.323.039.638	3.202.494.095
Chi phí tài trợ an sinh xã hội	8.780.443.161	14.064.700.000
Tổng	11.103.482.799	17.267.194.095

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	14.385.208.597	14.403.427.681
Chi phí đồ dùng văn phòng	183.500.013	295.032.301
Chi phí khấu hao tài sản cố định	388.242.342	276.504.576
Thuế phí và lệ phí	7.435.560	214.630.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	531.514.830	633.304.752
Chi phí bằng tiền khác	7.328.795.568	5.738.891.850
Tổng	22.824.696.910	21.561.791.240

IN: 010
CÔNG T
KIỂM T
A VI
-CHI NI
TP. HỒ CH
CHÍ MINH

**CÔNG TY TNHH MTV
XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG**

Số 64 C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 – XS

Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT- BTC
Ngày 19/8/2009 của Bộ trưởng BTC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.8 Lợi nhuận khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	13.636.364
Thu tiền bán giấy vụn	100.576.391	177.586.489
Thu từ hoạt động hủy vé hộ các Công ty xổ số	230.590.910	228.500.000
Thu tiền từ dịch vụ cung cấp kết quả xổ số	18.240.137	82.727.272
Các khoản khác	81.466.294	11.564.403
Tổng	430.873.732	514.014.528
Chi phí khác		
Chi phí hủy vé ế	-	121.100.000
Chi phí chậm nộp thuế TNDN	-	104.698.030
Các khoản khác	155.260.000	-
Tổng	155.260.000	225.798.030
Lợi nhuận khác	275.613.732	288.216.498

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	440.891.218.851	310.215.951.046
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:		
Chi phí chậm nộp thuế TNDN	-	104.698.030
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:		
Cổ tức được chia	50.031.000	-
2. Thu nhập chịu thuế	440.841.187.851	310.320.649.076
3. Thu nhập tính thuế	440.841.187.851	310.320.649.076
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng	20%	20%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	88.168.237.570	62.064.129.815
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	88.168.237.570	62.064.129.815

19179
Y TNHH
TOÁN
TNA
IÁNH
MINH
- VIỆ

**CÔNG TY TNHH MTV
XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG**

Số 64 C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 – XS

Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT- BTC
Ngày 19/8/2009 của Bộ trưởng BTC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thu nhập của Người quản lý doanh nghiệp và Kiểm soát viên

Nội dung	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương Ban điều hành	2.477.000.000	2.643.000.000
Thù lao Kiểm soát viên	147.500.000	145.500.000
Tổng	2.624.500.000	2.788.500.000

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Cần Thơ.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Cần Thơ.

An Giang, ngày 15 tháng 7 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


Lê Thành Trí


Lưu Thị Huỳnh Phượng




Võ Trung Dũng

